

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý;

2. Bà Chè Thị Hồng Cẩm;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Ngọc Trân, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 - An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Néang V, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Số 568, ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn (nay xã Tri Tôn) tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

Nơi tạm trú: Đường số 7, ấp 1, xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Chau K, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn (xã Tri Tôn) tỉnh An Giang (có mặt);

3. Người phiên dịch: Ông Chau P L ; địa chỉ: Khóm 6, thị trấn Tri Tôn (nay xã Tri Tôn) tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án bà Néang V trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2002 bà và ông K quen biết nhau do tự tìm hiểu, chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 09, ngày 24/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 7/2024 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do về kinh tế thiếu thốn tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chồng bỏ đi và đem con chung theo, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên bà V yêu cầu được ly hôn ông K.

Về con chung: Có một con chung tên Chau T, sinh ngày 17/5/2023. Bà V đồng ý giao con chung cho ông K nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con chung do ông K không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông Chau K. Tuy nhiên, ông K vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa bà V có đơn xin vắng mặt, ông K đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V về hôn nhân đồng ý ly hôn và hiện tại ông đang nuôi con chung nên ông đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu vợ cấp dưỡng và về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng về mâu thuẫn là do bà V cờ bạc nên vợ chồng mâu thuẫn.

Bị đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của ông K.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên còn một số quy phạm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham

gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Néang V khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Chau K có địa chỉ tại tổ ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn (nay xã Tri Tôn) tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét nguyên đơn vắng mặt phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

Về hôn nhân: Vào năm 2002 bà V và ông K quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 09, ngày 24/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của bà V cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 7 năm 2024, nguyên nhân do về kinh tế thiếu thốn tiền bạc nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chồng bỏ đi và đem theo con đi cùng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, nay tình cảm không còn bà V yêu cầu được ly hôn.

Tại phiên tòa ông K không thừa nhận mâu thuẫn do thiếu thốn tiền bạc mà do vợ cờ bạc nên ông bỏ đi và ông đồng ý ly hôn, về con chung ông đồng ý nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung thì ông thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Vợ chồng bà V có đăng ký hộ khẩu thường tại địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm do không nghe trình báo, về con thì địa phương không biết con chung đang sống với ai.

Xét thấy, các lời khai của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với nhau về việc vợ chồng có mâu thuẫn chủ yếu là do về kinh tế nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai bên vẫn không thể có tiếng nói chung và cũng không thể hàn gắn lại tình cảm. Hiện tại ông K vẫn đang tự sinh sống và nuôi con tại địa phương. Cho thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng không còn hạnh phúc.

Cho nên, tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có một con chung tên Chau T, sinh ngày 17/5/2023.

Nhận thấy, hiện tại cháu T đang do ông K nuôi dạy con chung dưới 36 tháng tuổi ổn định. Ông K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và bà V cũng đồng ý giao con và bà không cấp dưỡng nuôi con chung do ông K không yêu cầu. Xét thấy, ông K và bà V đều thống nhất thỏa thuận giao con cho ông K nuôi dưỡng và không yêu cầu bà V cấp dưỡng là tự nguyện phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà V và ông K đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà V khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch. Ông K không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ câu khởi kiện của bà Néang V.

Về hôn nhân: Bà Néang V được ly hôn với ông Chau K

Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 24/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý

Về con chung: Ông Chau K được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Chau T, sinh ngày 17/5/2023. Bà V không phải cấp dưỡng nuôi con do ông K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Néang V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013021 ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (*nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14 tỉnh An Giang*). Ông Chau K không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND khu vực 14 tỉnh An Giang;
- Phòng THA.DS Khu vực 14 tỉnh An Giang;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền